

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN T**  
**TỈNH Q**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24/3/2021

Về việc: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH Q**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Một.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Xuân Tiên

2. Ông Phan Thành Tài

*- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành - Kiểm sát viên*

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc: “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N** - Sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn 5, xã C, huyện T, tỉnh Q.

+ *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn T** – Sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn V, xã B, T, tỉnh Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Tấn T tự tìm hiểu và kết hôn năm 2018 có đăng ký tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống về tiền bạc và về chuyện gia đình, hơn nữa bản thân anh T còn uống rượu về say xỉn chửi bới, xúc phạm tôi rất nhiều lần, sự việc này hai bên gia đình đã hòa giải nhưng anh T vẫn không thay đổi, cứ uống rượu vào là chửi mắng, xúc phạm tôi, vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, tôi và con thì sống tại nhà mẹ tôi ở huyện Tiên Phước, còn anh T thì sống và làm việc tại xã B, huyện

T. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Ph– sinh ngày 18/4/2019. Nguyên vọng xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*\* Theo bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn tôi đồng ý với lời trình bày của vợ còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân tôi cũng có uống rượu về có dùng những lời lẽ xúc phạm vợ, tôi biết như vậy là sai xin vợ tha thứ, tôi hứa sẽ thay đổi và vọng vợ đoàn tụ để vợ chồng cùng xây dựng hạnh phúc gia đình.*

Về con chung: Tôi thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Tấn Ph– sinh ngày 18/4/2019. Nguyên vọng xin vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con, còn nếu có căn cứ tòa xử ly hôn tôi có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

**\* Ph biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tấn T ly hôn.

Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi con tên Nguyễn Tấn Ph– sinh ngày 18/4/2019 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không xét.

Về tài sản chung: Chị N anh T đều khai không có nên đề nghị HĐXX không xét.

Về nợ chung: Chị N và anh T đều khai không có nên đề nghị HĐXX không xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về thủ tục tố tụng:* Đây là quan hệ ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Tấn T cư trú tại huyện T, tỉnh Q.

Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung vụ án:* Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, như vậy hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì Phsinh mâu thuẫn. Chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và bất đồng về tiền bạc, về chuyện gia đình, hơn nữa bản thân anh T còn uống rượu về say xỉn chửi bới, xúc phạm chị N rất nhiều lần, chị N và anh T sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm, thương yêu nhau. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc như mong muốn nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T. Về phía anh T thì cũng thấy được cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh T thừa nhận là có đôi lần uống rượu về chửi bới, xúc phạm chị N và hiện nay chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ở huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam để sinh sống; nhưng hiện nay anh T rất còn thương vợ, thương con xin khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ làm ăn và nuôi con. Xét việc xin ly hôn của chị N và yêu cầu xin đoàn tụ của anh T thì thấy: Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa sai; anh T và chị N sống ly thân nhau cho đến nay khoảng 01 năm không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị N làm ăn và sinh sống tại xã C, huyện T, tỉnh Q còn anh T thì sống tại xã B, huyện T, tỉnh Q. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị N xin ly hôn là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Nguyễn Tấn T.

*Về con chung:* Chị N, anh T thống nhất khai có 01 con chung tên là Nguyễn Tấn Ph– Sinh ngày 18/4/2019, chị N có nguyện vọng xin nuôi con chung, anh T cũng có nguyện vọng xin nuôi con chung. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị N và anh T thì thấy: Chị N, anh T đều có công việc, có thu nhập và chỗ ở ổn định nên việc chị N, anh T đều có nguyện vọng xin nuôi con là chính đáng, tuy nhiên từ khi chị N, anh T sống ly thân thì cháu Nguyễn Tấn Ph sống với chị N, chị N đảm bảo tốt việc nuôi dạy con, hơn nữa bản thân cháu Ph hiện nay còn rất nhỏ chưa được hai tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, xét giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi con chung Nguyễn Tấn Ph– Sinh ngày 18/4/2019 đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HN&GD Việt Nam.

*Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

*Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tấn T khai không có nên không xét

*Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tấn T khai không có nên không xét

*Án phí LHST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y)* xét buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005717 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Q là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tấn T ly hôn.

**2/ Về con chung:** Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi con chung tên là Nguyễn Tấn Ph- Sinh ngày 18/4/2019 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**3/ Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tấn T khai không có nên không xét

**4/ Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tấn T khai không có nên không xét

**5/ Án phí LHST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y)** xét buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005717 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- VKSND huyện T.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên Toà**

- Toà án nhân dân Tỉnh Q
- Chi cục Thi hành án dân sự T.
- UBND xã Bình Đ, huyện .
- Lưu hồ sơ.

***Trần Văn Một***

**Các Hội thẩm nhân dân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình
- THADS huyện Thăng Bình
- Những người tham gia tố tụng
- UBND Xã Bình Đào.
- Lưu hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa**